

Milton Friedman - Nhà kinh tế học đoạt giải Nobel kinh tế năm 1976; cố vấn kinh tế cho Tổng thống Mỹ Ronald Reagan

Phiên bản cuộc tranh luận này có hai phái "nông nghiệp" và "nông nghiệp" mới nhún ra hai khác nhau nhau để ra sao và phái "Keynes mới" đã có quan trọng phiên bản nào.

Thập niên 70, nhà kinh tế học "nông nghiệp" hàng đầu trong đoạt giải Nobel Robert Lucas lập luận rằng nguyên nhân của suy thoái là sự hỗn loạn nhất thời: doanh nghiệp và người lao động không phân biệt nên sự thay đổi mức giá chung vì lạm phát họ không phát và sự thay đổi thị trường chính ngành mình. Lucas cảnh báo rằng bất kỳ nỗ lực nào chống lại chu kỳ kinh doanh sẽ phản tác dụng: các chính sách kinh tế chỉ làm tình hình thêm rối loạn.

Tuy vậy cho phiên bản năm 80, các nhà kinh tế "nông nghiệp" còn phải đối mặt chuyển suy thoái là đi xuống. Thay vào đó, những nhà lãnh đạo mới của phong trào này, đặc biệt là Edward Prescott khi đó đang công tác tại ĐH Minnesota lập luận rằng biến động của giá và thay đổi sự cố gắng không hề có liên quan tới chu kỳ kinh doanh.

Thay vào đó, chu kỳ kinh doanh phản ánh sự biến động của trên tiến bộ công nghệ, nó được khuếch đại bởi phản ứng hợp lý tới người lao động, họ tình nguyện làm việc nhiều hơn khi đi xuống kiếm tiền và ít hơn khi đi xuống không kiếm tiền. Thuyết nghiệp là quyết định chỉ có chỉ đích của người lao động muốn dành thời gian nghỉ ngơi.

Nói thẳng ra như vậy thì lý thuyết này nghe thật ngớ ngẩn, Đòi suy thoái hóa ra lại là một kỳ nghỉ dài ngày à? Thúc thà mà nói người viết bài này thật sự nó thật sự ngô nghê. Những gì được bắt trong "lý thuyết chu kỳ kinh doanh thực" của Prescott lại được diễn giải thành những mô hình toán học khéo léo đến tài tình, được sắp xếp thành những chuỗi dữ liệu thống kê tinh tế và rút ra lý thuyết này lại tiến tới chi phí và giá trị của môn kinh tế vĩ mô thì nhiều của sự đổi mới.

Năm 2004, nhà minh chứng cho sự cố gắng của lý thuyết đó, Prescott nhận chung giải Nobel với Finn Kydland tại ĐH Carnegie Mellon.

Trong khi đó, các nhà kinh tế học “neo cổ điển” do đó. Dù các nhà kinh tế như N. Gregory Mankiw tại Harvard, Olivier Blanchard tại MIT và David Romer tại ĐH California, Berkeley nhận thấy các vấn đề kinh tế khó mà dung hòa được cách nhìn nhận suy thoái từ phía của Keynes với quan điểm của lý thuyết tân cổ điển, họ đã tìm thấy bằng chứng cho thấy khó mà chấp nhận được cách nhìn nhận suy thoái từ phía của.

Vì thế họ sẵn sàng từ bỏ giả thuyết thị trường hoàn hảo hoặc sự hợp lý hoàn hảo, hoặc là cả hai, để thêm những khuyến khích thị trường và thị trường vào để nhìn nhận suy thoái trên quan điểm của Keynes. Theo cách nhìn “neo cổ điển”, vốn nên thực thi các chính sách chống suy thoái ngay lập tức.

Những các nhà kinh tế từ coi mình thuộc phái “Keynes mới” này không công nhận sự hợp đồng của những cá nhân hữu ích và thị trường hoàn hảo. Họ càng giả định càng gần lý thuyết tân cổ điển chính thị trường càng tốt. Điều đó có nghĩa là không có chỗ trong các mô hình thông dụng cho những thị trường bong bóng hay thị trường ngân hàng sụp đổ. Cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính vĩ mô như ở Châu Á trong hai năm 1997-1998 và cuộc suy thoái tại Argentina năm 2002, những sự kiện diễn ra trong thị trường giả định không được phản ánh trong dòng thị trường chấp nhận của phái Keynes mới.

Kể cả những vị, người ta vốn có thể nghĩ rằng sự khác biệt quan điểm giữa hai trường phái kinh tế “neo cổ điển” và “neo cổ điển” sẽ luôn đặt họ ở thế đối đầu với các chính sách kinh tế.

Tuy vậy đáng ngạc nhiên là từ năm 1985 cho đến năm 2007, tranh luận giữa hai phái “neo cổ điển” và “neo cổ điển” chủ yếu về lý thuyết chứ không phải thực tiễn. Lý do là những người “Keynes mới”, không giống như những người theo Keynes nguyên bản, không nghĩ rằng cần phải sửa đổi chính sách tài khóa (thay đổi trong thu nhập khóa và chi tiêu chính phủ) để chống suy thoái.

Họ tin rằng chính sách tiền tệ do những nhà kiểm soát tại FED đảm trách là đủ để điều chỉnh nền kinh tế. Tại đó sinh nhật 90 tuổi của Milton Friedman, Ben Bernanke, người dù ít dù nhiều cũng từng là một GS theo phái “Keynes mới” tại ĐH Princeton và khi này là một thành viên trong Hội đồng thị trường của FED, phát biểu về cuộc khủng hoảng suy thoái: “Ông đã đúng. Chúng tôi đã gây ra nó. Chúng tôi xin lỗi. Những người có ông, nó đã không xảy ra thêm một lần nữa.” Thông điệp rõ ràng là tất cả những gì cần để tránh suy thoái là một Cục dự trữ liên bang khéo léo hơn.

Và khi chính sách kinh tế vĩ mô được giao vào tay nhà trưởng Greenspan và không còn các chương trình kích thích kinh tế kiểu Keynes, các nhà kinh tế “nặng nề” chúng còn gì để phân nản. (Hầu không tin chính sách tiền tệ có tác động gì tới GDP, nhưng hầu tin rằng nó cũng chúng có gì hay.)

Phải đến cuộc khủng hoảng này cả hai phái mới nhìn ra sự khác nhau nhau nhau để ra sao và phái “Keynes mới” đã lên quan tâm đến điều này.

V. AI MÀ BỊ T ĐỔ C ...

Trong các cuộc tranh luận của giới kinh tế học gần đây, câu mà được đưa ra của chúng như thế này là “không ai có thể tiên đoán được ...” Đó là những gì người ta nói về một thảm họa hoàn toàn có thể dự đoán, đáng lẽ ra đã được tiên đoán và thực sự đã được một số ít nhà kinh tế - những người bị trích vì họ lên các báo của mình - nhìn thấy trước.

Có thể lấy ví dụ về sự leo thang rủi ro xuống của giá nhà đất. Một vài nhà kinh tế, trong đó nổi bật là Robert Shiller, đã nhận thấy tình trạng bong bóng của thị trường này và lên tiếng báo động về những hậu quả nghiêm trọng nếu xảy ra đổ vỡ. Tuy nhiên, những nhà hoạch định chính sách không tiếp thu được sự thật đó. Năm 2004, Alan Greenspan đã gọi bộ những lời bình luận về bong bóng nhà đất, ông tuyên bố: “Không thể có tình trạng giá cả bị bóp méo nghiêm trọng trên phạm vi toàn quốc”. Đến năm 2005, Ben Bernanke phát biểu: “Giá nhà tăng chóng mặt do nền tảng kinh tế vững chắc”.

Tại sao họ không thấy được bong bóng này? Khách quan mà nói, lỗi thuộc về các giới mà cách tiếp cận bình thường chính là một trong những nguyên nhân làm cho giá nhà tăng. Có lẽ ngài Greenspan và ngài Bernanke muốn hiểu được thành công của Fed trong việc cứu nền kinh tế thoát khỏi suy thoái năm 2001, nhưng nó cũng đáng nghĩa với việc thả lỏng những thành công đó phần lớn là nhờ họ đã tạo ra một quả bong bóng khủng khiếp mà với nó cả nó có thể tiếp tục niềm hân hoan mừng thế này.

Tuy vậy, công chúng vẫn tin tưởng rằng chúng có bong bóng nào cả. Thật đáng ngạc nhiên là nếu để cho những lời cam đoan của Greenspan sự thật chúng học dựa trên một bằng

chúng ta có thể nào mà chỉ xuất phát từ một góc nhìn đơn giản - không thể có bong bóng nhà đất. Nhưng nhà lý thuyết tài chính còn tin tưởng vào quan điểm này.

Trong một cuộc phỏng vấn vào năm 2007, Eugene Fama, cha đẻ của lý thuyết thị trường hiệu quả, đã tuyên bố: “Đôi khi tôi, từ “bong bóng” chúng ta có ý nghĩa gì cả”, và ông giải thích lý do tại sao chúng ta có thể tin tưởng vào thị trường nhà đất: “Thị trường nhà đất tuy thanh khoản thấp, nhưng bù lại mức độ biến động và rủi ro thấp hơn khi quy mô mua nhà. Đó thị trường là khoản đầu tư dài hạn mà không thể tránh khỏi, vì thế họ sẽ xem xét kỹ càng và so sánh giá cả. Chuyê n m c c cũng rất chặt chẽ.”

Đúng như vậy, nhưng người mua nhà thường so sánh rủi ro của nhà giá ngôi nhà mà họ có thể sẽ sở hữu với những căn nhà khác. Nhưng điều này không có nghĩa rằng giá cả chung trên toàn bộ thị trường nhà đất là hợp lý. Chúng ta lại bắt gặp kinh tế học kiểu “nồng c s t cà chua”: bởi vì một chai nồng c s t cà chua 2 quart (đơn vị đo chất lỏng của Anh – ND) đắt gấp đôi chai 1 quart nên các nhà nghiên cứu lý thuyết tài chính cho rằng giá cả nồng c s t là hợp lý.

Tóm lại, niềm tin vào tính hiệu quả của các thị trường tài chính đã che mắt rất nhiều người không nhận ra là gần như tất cả các nhà kinh tế học, khi nhìn không nhận ra tình trạng báo động về một trong những bong bóng tài chính lớn nhất trong lịch sử. Và lý thuyết thị trường hiệu quả phải chịu trách nhiệm vì đã thổi phồng bong bóng đó lên.

Giờ thì với bong bóng đã xảy ra, tính rõ ràng thực sự của những tài sản được cho là an toàn đã bộc lộ rõ nét và những thị trường tài chính đã thể hiện rõ sự mong manh của nó. 13 nghìn tỷ USD đã bốc hơi khi thị trường tài sản của các hộ gia đình Mỹ sau cuộc khủng hoảng hàng. Thêm vào đó là hơn sáu triệu việc làm bị cắt giảm, thị trường thất nghiệp đang hàng triệu mức kỷ lục kể từ năm 1940. Vậy kinh tế học hiện đại đã đưa ra giải pháp nào cho tình trạng hiện tại?

Và liệu chúng ta có nên tin tưởng vào giải pháp đó hay không?

VI. NHỮNG TRANH CÃI XUNG QUANH GÓI KÍCH THÍCH

Sự yên bình giờ đây đã phả bóng lên kinh tế học vĩ mô suốt từ năm 1985 cho tới năm 2007.

Thị trường không hề có một sự hội tụ nào giữa hai trường phái “nợ công miễn” và “nợ công ngắn” trong suốt quãng thời gian này. Thị trường đó là những năm tháng của “Thị trường đen nhàn” – giai đoạn nền kinh tế tăng trưởng với lạm phát không đáng kể và chỉ có một vài đợt suy thoái nhỏ. Những nhà kinh tế theo trường phái “nợ công miễn” tin rằng Fed đã kiểm soát mọi thứ rất tốt. Trong khi trường phái “nợ công ngắn” không cho rằng hành động của Fed thực sự đem lại lợi ích, những học giả này vẫn im lặng trước sự giận dữ đó.

Thị trường của các khoản nợ công xảy ra đã kích thích thị trường âm thầm giảm tỷ lệ. Những chính sách kiểm soát nợ công của hai trường phái này dường như không còn đáp ứng được hoàn cảnh như xưa – và sự cần thiết phải có chính sách mạnh tay hơn đã lôi cuốn người cho những cuộc tranh cãi muôn thuở, lần này trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.

Vì sao những chính sách cũ trở nên không phù hợp nữa? Câu trả lời gói gọn trong một từ: “sợ 0”.

Trong một cuộc suy thoái thông thường, Fed sẽ phân phối bằng cách mua vào Trái phiếu kho bạc – những khoản nợ ngắn hạn của chính phủ - từ các ngân hàng. Điều này làm cho lãi suất trái phiếu giảm, các nhà đầu tư mua tìm kiếm lợi nhuận cao hơn sẽ chuyển sang các tài sản khác và kéo lãi suất cho những tài sản đó giảm theo; và thông thường thì lãi suất được hạ xuống theo cách như vậy sẽ kích thích nền kinh tế đi lên nhanh chóng.

Trong quá khứ, Fed cũng đã đi phỏ với cuộc suy thoái năm 1990 bằng cách hạ tỷ lệ lãi suất ngắn hạn từ 9% xuống còn 3%; và với cuộc suy thoái năm 2000, lãi suất được hạ từ 6,5% xuống 1%. Trong nỗ lực đầu tiên với đợt suy thoái hiện nay, Fed tiếp tục đi xuống chỉ còn lãi suất từ 5,25% xuống 0%.

Thị trường 0% vẫn là chưa đủ để vực dậy nền kinh tế, và Fed cũng không thể đẩy lãi suất xuống thấp hơn nữa. Tuy nhiên lãi suất gần bằng 0%, nhiều nhà đầu tư đã chuyển giới pháp tích trữ tiền mặt thay vì cho vay ra. Do đó, vào cuối năm 2008, khi lãi suất của bond đã giảm mà các nhà kinh tế học vĩ mô gọi là “giới hạn sàn không” thì chính sách tiền tệ đã mất hoàn toàn tác dụng, mặc dù cho suy thoái vẫn tiếp tục lún sâu hơn.

Vậy chúng ta phải làm gì trước tình hình này? Đây là lần thứ hai nước Mỹ vượt quá giới hạn của “giới hạn sàn không”, lần đầu tiên chính là trong cuộc Đại suy thoái. Những chính sách vì nhìn

thực tế các giới hạn lãi suất, Keynes đã chứng minh rằng dùng biện pháp tăng chi tiêu chính phủ: khi chính sách tiền tệ không phát huy được hiệu quả và không thể khuyến khích khu vực tư nhân tăng chi tiêu, thì chính phủ phải thay thế với trí đó để chứng minh cho nền kinh tế. Kích thích tài khóa là câu trả lời của Keynes cho những luận suy thoái trầm trọng như cuộc khủng hoảng hiện nay.

Tư tưởng của Keynes chính là nền tảng cho những chính sách kinh tế vĩ mô chính quy của Obama đã được chứng minh là “nền kinh tế” của ông học mớ nh mớ. Trong 25 năm qua, họ đã không phải đi cho những người học đi u tí t nền kinh tế của Fed, những sự học sinh của học thuyết Keynes đã khiếm khuyết hoàn toàn thay đổi.

Trả lời những năm 1980, Lucas, giáo sư tại học Chicago, đã viết rằng kinh tế học của Keynes bỏ qua những điều kiện “trong các học thuật nghiên cứu, mà những người không còn coi trọng lý thuyết của Keynes nữa; những tính toán huyết sáo và các điều vớ vẩn” - viết thêm những cái nhìn đúng đắn của Keynes để nghĩa vụ và bổ giáo dục và chế nhạo.

G.S Cochrane tại ĐH Chicago nói giới hạn ý tưởng tăng cường chi tiêu công có thể giảm bớt suy thoái. Ông ta đã nói: “Nó không còn nằm trong bài giảng của bất cứ giảng viên tại học nào từ những năm 1960. Những tư tưởng của Keynes chỉ là chuyện hão huyền mà sai lầm của chúng đã được chứng minh.

Khi bị stress, ta có thể giới hạn bằng cách hạn chế những luận những câu chuyện cần tích cực nghe thì thì thì, những điều đó không làm cho chúng bớt hoang đường hơn.” (Đây chính là bằng chứng thực nghiệm mà bất đồng sâu sắc giữa hai trường phái “nền kinh tế” và “nền kinh tế”, điều kiện Cochrane tin rằng “không mất ai” còn duy nhất học theo Keynes nữa, những thực tế thì nó vẫn đang được giới thiệu và những trường như Princeton, MIT hay Havard.

Giờ đây, nhiều nhà kinh tế học trường phái “nền kinh tế” – những người đã từng hài lòng với niềm tin rằng sự rớt nền kinh tế vĩ mô đang thu hút mọi – đang thực sự bị sốc khi nhìn ra trường phái “nền kinh tế” lâu nay thậm chí còn chứng minh luận nghe.

Các nhà kinh tế “nền kinh tế” đã lên tiếng chỉ trích kịch liệt gói kích thích của chính phủ không có vẻ là những người đã nghiên cứu kỹ kinh tế học theo Keynes và thực tế chúng vẫn còn thiêu u sót mà họ giới thiệu những không biết gì về lý thuyết này và đang làm sự giới thiệu

tiếng sai lầm từ năm 1930 mà công nghệ riêng riêng gì mình phát biểu là hoàn toàn mới mẻ và sâu sắc.

Và có vẻ như Keynes không phải người duy nhất mà những suy nghĩ của ông bị lãng quên. Nhà nghiên cứu Brad DeLong tại ĐH California, Berkeley đã viết về về “sự sụp đổ tri thức” của trường phái Chicago riêng: quan điểm của trường phái này hiện thời cũng hoàn toàn phản diện với trường phái của Milton Friedman. Friedman tin riêng nên sự đồng các chính sách của Fed hiện là thay đổi chỉ tiêu công đồng nên đồng nhện kinh tế, những ông của bao giờ không đồng riêng tăng công chỉ tiêu chính phủ, đồng bị bỏ hoàn công nhện nào, cũng không thể thêm việc làm. Thế thì, nếu đồng của cuốn “Lý thuyết chung về phân tích tiền tệ”, tác phẩm tóm tắt những nghiên cứu của ông, bị sự cấm thuyệt ngay khi thấy nó “Keynes” đồng những nào.

Và tự nhiên Friedman cũng không hề tin tưởng vào quan điểm về thị trường nghiên cứu cao phản ánh tình hình lao đồng sa sút cũng như ý kiến cho riêng các cuộc suy thoái thế ra có tác đồng tự cho nên kinh tế. Những lập luận này đã đồng chính thế các nhà kinh tế học “nợ công” gần đây đưa ra.

Casey Mulligan, nhà kinh tế trường phái Chicago, lập luận riêng về thị trường nghiên cứu cao là do có nhiều người không muốn làm việc: “Đồng học tài chính nên có khi những lao đồng không thể tìm việc... sự sụt giảm về phía nguồn cung lao đồng (mong muốn đi làm của người dân) là nguyên nhân chính làm cho sự đồng việc làm ít đi chứ không phải là phía của lao đồng (sự công nhân mà nhà tuyển đồng của thuê mướn).” Cũng thế, Mulligan cho riêng người công nhân là chủ nhân phản ứng án tiếp thế nghé làm bị hại sự nhện đồng kho nên tiền trả công tài nên thế chủ nhân. Còn Cochrane thì tuyên bố về thị trường nghiên cứu cao thế ra là một điếu tự: “Chúng ta nên có một cuộc suy thoái. Những người thế cả đi chứ biệt đóng đinh ở Nevada của một thế gì đó khác đưa làm.”

Cá nhân tôi cho riêng điếu này thế sự điên rồ. Tại sao nên đưa thị trường nghiên cứu lan tràn khắp công nhân chứ nhện mớ đích kéo những người thế mớ đi khắp Nevada? Và ai có thể nói một cách nghiêm túc riêng chúng ta đã một 6,7 triệu việc làm đồng nên bị người M không muốn đi làm nữa? Những sự muốn gì thì những nhà kinh tế “nợ công” cũng sự mớ vào cái bẫy của chính thế và lâm vào ngõ cụt: nếu bị bỏ đồng về đi đồng riêng cá nhân hoàn toàn hợp lý và thế trường hoàn toàn hiện qu, thì bị phản đi đồng kết luận riêng thế nghiên cứu là tự nguyện và suy thoái là điếu đáng mong muốn!

Nếu như cuộc học học đã khiến cho những nhà kinh tế “nợ công” trở nên ngu ngốc, thì

nó cũng làm nhiều nhà kinh tế “nặng cân” quay trở lại với nền tảng của mình. Không giống như trường phái Chicago, lý thuyết của họ đề nghị với khả năng thất nghiệp là không thể nguyện và coi nó như một điều xấu. Tuy nhiên mô hình của trường phái “Keynes mới” đang thắng thế trong giới học giả và nghiên cứu viên cũng giống như những con người luôn hành động theo lý trí và thể trường tài chính hoàn toàn hiệu quả.

Đã đưa cuộc suy thoái hiện nay vào mô hình, “những người Keynes mới” buộc phải chấp nhận thêm những yếu tố vốn vốn kém thuyết phục với vai trò là tác nhân kéo chi tiêu của khu vực tư nhân tạm thời giảm sút. (Đó chính xác là những gì người viết bài này đã làm trong một vài nghiên cứu gần đây) Và nếu đưa vào những yếu tố đó để phân tích tình cảnh hiện tại thì làm sao chúng ta có thể tin tưởng được vào những dự đoán của mô hình và tiếp tục lại nền kinh tế?

Tóm lại, với tình trạng vĩ mô không lý gì làm tốt đẹp hiện nay, những nhà nghiên cứu sẽ phải làm gì?

Paul Krugman / The New York Times